

Bản án số: 748/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2020

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định

Các Hội thẩm nhân dân: 1- Bà Phạm Thị Ngọc

2- Bà Nguyễn Phước Trinh

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/7/2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số: 180/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm: 1981; địa chỉ: Số 2490/3, phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Hồng C, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 25, đường C, tổ 2, ấp X, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 05/12/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T trình bày: Bà với ông Phạm Hồng C tự nguyện tiến tới hôn nhân năm 2005, đã được Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 08/5/2006. Sau khi kết hôn, bà cùng ông C sinh sống tại xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hiểu nhau, có khác biệt về quan điểm sống. Ngoài ra, ông C ham chơi không lo làm ăn, làm cho gia đình mất hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông C đã ly thân hơn 05 năm nay, không còn quan hệ vợ chồng.

Hiện vợ chồng bà không còn tình cảm yêu thương, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Châu Thúy V, sinh ngày 14/3/2006 và Phạm Châu Anh T, sinh ngày 31/12/2008. Hiện 02 con chung đang sống cùng bà, bà

yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định tự thỏa thuận.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Trích lục kết hôn (bản sao), Giấy cam kết mất giấy kết hôn ngày 05/12/2019 (bản chính), Giấy khai sinh (bản sao), Sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân (bản sao y), đơn xác nhận nơi cư trú ngày 09/7/2020 (bản chính).

Ông Phạm Hồng C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đến tham dự phiên tòa xét xử đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã T, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Ông Phạm Hồng C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T với ông Phạm Hồng C tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 08/5/2006 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông C là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà T thì mâu thuẫn giữa bà với ông C là trầm trọng và không thể hàn gắn do bà và ông C không hiểu nhau, có khác biệt về quan điểm sống. Ngoài ra, ông C ham chơi không lo làm ăn, làm cho gia đình mất hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Ông C đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ kiện. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông C là có căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp và chứng cứ mà Tòa thu thập được theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì vậy, có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà T với ông C không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai bên không thể

kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Châu Thúy V, sinh ngày 14/3/2006 và Phạm Châu Anh T, sinh ngày 31/12/2008, hiện đang sống với bà T. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, cần giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ dân sự chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn: Bà T phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Phạm Hồng C.

Giấy chứng nhận kết hôn số 40 ngày 08/5/2006 đã được Ủy ban nhân dân xã Tân An Hội, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà T, ông C không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Châu Thúy V, sinh ngày 14/3/2006 và Phạm Châu Anh T, sinh ngày 31/12/2008. Bà T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không có nên Tòa án không xem xét.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0083507 ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí phí dân sự dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- UBND xã Tân An Hội, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quang Định